



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị bán hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001030661	Nguyễn Hà	Phong	09/01/2004	QM10B	01	27	4,0	01	Phong	le
2	000002	0901030245	Hoàng Phương	Anh	19/11/2002	QM11A	01	26	4,0	01	Phong	Chấn
3	000003	1001030471	Lê Thị Kim	Anh	17/07/2002	QM11A	01	25	8,0	02	Phong	le
4	000004	1101030470	Lưu Thị Phương	Anh	08/07/2005	QM11A	01	24	7,3	01	Anh	chấn
5	000005	1101030471	Ngô Kim	Anh	01/09/2005	QM11A	01	23	8,0	02	Chấn	le
6	000006	1101031361	Ngô Thị Lan	Anh	01/09/2005	QM11A	01	22	1,3	01	le	Chấn
7	000007	1101031150	Nguyễn Tài Tuấn	Anh	05/11/2005	QM11A	01	21	5,5	01	Anh	HP le
8	000008	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	01	20	4,0	01	le	Chấn
9	000009	1101030484	Phạm Tuấn	Anh	14/07/2005	QM11A	01	19	6,3	01	Anh	le
10	000010	1101030486	Phạm Việt	Anh	24/11/2005	QM11A	01					HP
11	000011	1101031155	Trần Đức	Anh	22/01/2005	QM11A	01					Vắng
12	000012	1101031156	Trịnh Xuân	Anh	18/08/2005	QM11A	01	18	5,0	1	Chấn	chấn
13	000013	1101030494	Hoàng Thị Ngọc	Ánh	04/03/2005	QM11A	01	17	8,0	1	Anh	HP le
14	000014	1101031157	Trương Thị Minh	Ánh	08/05/2005	QM11A	01					HP,ĐK
15	000015	1101030501	Nguyễn Ngọc	Bích	10/09/2005	QM11A	01	16	5,0	1	Đức	HP le
16	000016	1101030503	Nguyễn Thị Thanh	Bình	03/02/2005	QM11A	01	15	5,0	1	Bình	chấn
17	000017	1101031387	Dương Hải	Đặng	20/12/2004	QM11A	01	14	5,5	1	Đặng	le
18	000018	1101030340	Vũ Tiến	Đạt	20/10/2005	QM11A	01	13	6,3	1	Đạt	chấn
19	000019	1001030514	Vương Thành	Đạt	01/11/2004	QM11A	01	12	4,5	1	Đạt	le
20	000020	1101031175	Hà Thị Thùy	Duyên	30/07/2005	QM11A	01	11	8,3	02	Duyên	chấn
21	000021	1101030532	Nguyễn Thị Mỹ	Duyên	15/11/2005	QM11A	01	10	8,0	1	Duyên	le
22	000022	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01	9	5,0	1	Hà	chấn
23	000023	1101031369	Nguyễn Hữu	Hải	13/06/2005	QM11A	01	8	5,0	1	Hải	le
24	000024	1101030540	Đào Lệ	Hằng	05/04/2005	QM11A	01	7	4,8	1	Đào	chấn
25	000025	1101030544	Lê Thị Thu	Hiền	08/07/2005	QM11A	01	6	8,5	1	Hiền	le
26	000026	1101031185	Nguyễn Thu	Hiền	09/07/2005	QM11A	01	5	4,3	1	Thu	chấn
27	000027	1101030549	Quách Văn	Hiệp	04/11/2005	QM11A	01	4	5,3	1	Hiệp	le
28	000028	1101030550	Trần Minh	Hiếu	17/09/2005	QM11A	01	3	4,8	1	Hiếu	chấn
29	000029	1101030551	Nguyễn Phương	Hoa	24/04/2005	QM11A	01	2	7,0	1	Hoa	le
30	000030	1101031191	Lương Tiến	Hoàng	14/01/2003	QM11A	01	1	7,3	1	Hoàng	chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 27
 Tổng số tờ giấy thi: 30
 Tổng số biên bản: 0

Ngày: 12 tháng 6 năm 2026

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Phương Loan Phạm T. Thanh Thủy



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2025-2026

Học phần: Quản trị bán hàng

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Giới tính	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000031	1101030554	Hồ Thị	Hồng	07/07/2005	QM11A	Nữ	01	28	5,0	01	Hồng	le'
2	000032	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	Nam	01	29	4,0	01	Khánh	Chấn
3	000033	1101030585	Lê Mai	Lan	20/09/2005	QM11A	Nữ	01	30	7,8	01	Lan	HP le'
4	000034	1101030591	Đỗ Khánh	Linh	20/03/2005	QM11A	Nữ	01	31	5,0	01	Linh	Chấn
5	000035	1101030596	Lê Thuỳ	Linh	04/09/2005	QM11A	Nữ	01	32	3,0	01	Linh	le'
6	000036	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	Nữ	01	33	3,0	01	Linh	Chấn
7	000037	1101030611	Bùi Ngọc	Long	26/04/2005	QM11A	Nam	01	34	3,3	01	Long	le'
8	000038	1101030615	Trần Thị Diệu	Ly	04/11/2005	QM11A	Nữ	01	35	2,8	01	Ly	Chấn
9	000039	1101030623	Vũ Thị Thanh	Mai	01/04/2005	QM11A	Nữ	01	36	5,0	01	Mai	le'
10	000040	1101031376	Phùng Đắc	Mạnh	11/09/2002	QM11A	Nam	01	37	2,8	01	Mạnh	HP
11	000041	1101030636	Ngô Thị Ngọc	Nga	09/01/2005	QM11A	Nữ	01	38	4,5	01	Nga	le'
12	000042	1101030650	Bùi Thảo	Nguyễn	09/10/2005	QM11A	Nữ	01	39	4,8	01	Nguyễn	Chấn
13	000043	1101031220	Tạ Thị Hồng	Nhung	16/08/2005	QM11A	Nữ	01	40	4,5	01	Nhung	le'
14	000044	1101030355	Lê Kiều	Oanh	07/09/2005	QM11A	Nữ	01	41	4,0	01	Oanh	Chấn
15	000045	1101030670	Lê Minh	Phuong	04/08/2005	QM11A	Nữ	01	42	2,5	01	Phuong	le'
16	000046	1101030677	Nguyễn Anh	Quân	04/08/2005	QM11A	Nam	01	43	4,0	01	Quân	Chấn
17	000047	1001030679	Trần Khánh	Quỳnh	01/11/2004	QM11A	Nữ	01	44	5,5	01	Quỳnh	le'
18	000048	1101030693	Nguyễn Trọng Chiến	Thắng	13/07/2005	QM11A	Nam	01	45	5,3	01	Thắng	Chấn
19	000049	1101030704	Trần Thị Thu	Thảo	11/08/2005	QM11A	Nữ	01	46	5,0	01	Thảo	le'
20	000050	1101030898	Nguyễn Đức	Thịnh	18/11/2005	QM11A	Nam	01	47	4,8	01	Thịnh	Chấn
21	000051	1101030708	Nguyễn Thị Tâm	Thư	16/11/2005	QM11A	Nữ	01	48	8,3	01	Thư	le'
22	000052	1101030710	Nguyễn Hương	Thúy	27/05/2005	QM11A	Nữ	01	49	5,8	01	Thúy	Chấn
23	000053	1101030715	Nguyễn Thị Thanh	Trà	01/09/2005	QM11A	Nữ	01	50	3,8	01	Trà	le'
24	000054	1101030718	Bùi Thị Thùy	Trang	06/08/2005	QM11A	Nữ	01	51	4,8	01	Trang	Chấn
25	000055	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	Nữ	01	52	6,0	01	Trúc	HP le'
26	000056	1101030736	Đoàn Khánh	Tùng	13/11/2005	QM11A	Nam	01	53	5,5	01	Tùng	Chấn
27	000057	1101030737	Lương Khánh	Tùng	22/03/2005	QM11A	Nam	01	54	6,0	02	Tùng	le'
28	000058	1001030744	Dương Thị Hải	Yến	22/11/2004	QM11A	Nam	01	55	6,5	01	Yến	Chấn
29	000059	1101030757	Lê Hải	Yến	20/06/2005	QM11A	Nữ	01	56	4,5	01	Yến	le'
30	000060	0901030090	Nguyễn Thị Diệp	Linh	10/05/2002	QM9A	Nữ	01	57	2,3	01	Linh	Chấn

Tổng số sinh viên dự thi: 30

Tổng số tờ giấy thi: 30

Tổng số biên bản: 1

Ngày 12 tháng 06 Năm 2026

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Nguyễn Thị Thanh Hà

Hoàng Thị Mai